TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN K,** **THÀNH PHỐ C**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2023/KDTM-ST
Ngày: 24/04/2023
V/v: " Tranh chấp đòi lại tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN K, THÀNH PHỐ C

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc B

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Nguyễn Thị Ngọc T

2/ Bà Nguyễn Tấn T

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Trần Thị Kiều T – Thư ký Tòa án nhân dân quận K, thành phố C.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận K, thành phố C tham gia phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Bích T – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 04 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận K, thành phố C xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 05/2023/TLST- KDTM ngày 16 tháng 01 năm 2023 về *"Tranh chấp đòi lại tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 231/2023/QĐST- KDTM ngày 04 tháng 04 năm 2023, giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn***: Công ty cổ phần vật tư H – Người đại diện theo pháp luật ông Mai Bảo N.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Khổng Liên P theo giấy ủy quyền ngày 01/07/2022.

Địa chỉ: 184 đường T, phường A, quận K, thành phố C.

- Bị đơn: Công ty cổ phần xây dựng công trình Đ- Người đại diện theo pháp luật ông Đoàn Đắc Đ.

Địa chỉ: Thôn N, xã P, huyện L, tỉnh B.

Đại diện theo ủy quyền: bà Lê Thị N theo giấy ủy quyền ngày 16/03/2023.

Địa chỉ: Thôn B, xã P, huyện L, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 06/07/2022 đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Công ty cổ phần vật tư H và Công ty cổ phần xây dựng công trình Đ có ký hợp đồng mua bán số 490/HĐMB.18 ngày 10/09/2018, hàng hóa mà các bên mua bán là thép, xi măng và vật liệu xây dựng. Đến ngày 30/04/2019 Công ty cổ phần vật tư H và Công ty cổ phần xây dựng công trình Đ thực hiện việc đối chiếu công nợ. Theo bản đối chiếu công nợ ngày 30/04/2019 Công ty cổ phần xây dựng công trình Đ còn nợ số tiền 53.869.060đ. Công ty cổ phần vật tư H đã nhiều lần yêu cầu công ty Đ thanh toán số tiền trên nhưng công ty Đ vẫn chưa thanh toán. Do đó Công ty cổ phần vật tư H khởi kiện yêu cầu công ty Đ thanh toán số tiền còn nợ là 53.869.060đ.

Bị đơn có văn bản đề nghị giải quyết vắng mặt.

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền 53.869.060đ theo bản đối chiếu công nợ ngày 30/04/2019 và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

Bị đơn có văn bản đề nghị giải quyết vắng mặt.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

- Về tuân theo pháp luật tố tụng: Tòa án tiến hành thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật, xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, trình tự thụ lý, giao nhận các văn bản tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng quy định về thủ tục tố tụng tại phiên tòa.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền 53.869.060đ theo bản đối chiếu công nợ ngày 30/04/2019 là phù hợp và có cơ sở để chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn và bị đơn có ký hợp đồng hợp đồng mua bán số 490/HĐMB.18 ngày 10/09/2018. Theo Điều 7 của hợp đồng mua bán các bên đã thỏa thuận khi phát sinh tranh chấp Tòa án nhân dân quận K giải quyết nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận K, thành phố C theo quy định

tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn có văn bản đề nghị giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Theo bản đối chiếu công nợ ngày 30/04/2019 nguyên đơn và bị đơn đã xác nhận bị đơn nợ nguyên đơn số tiền 53.869.060đ nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền 53.869.060đ là phù hợp và có cơ sở để chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm.

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 30, điểm b Khoản 1 Điều 35, điểm b Khoản 1 Điều 39, Khoản 1 Điều 147, điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Khoản 8 Điều 3, Điều 50 luật thương mại năm 2005.

Điều 166 Luật dân sự năm 2015.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

2. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bị đơn Công ty cổ phần xây dựng công trình Đ nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn Công ty cổ phần vật tư H số tiền 53.869.060đ (năm mươi ba triệu, tám trăm sáu mươi chín nghìn, không trăm sáu mươi đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức

lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn Công ty cổ phần vật tư H được nhận lại 3.000.000đ (ba triệu đồng) đồng theo biên lai thu số 0000426 ngày 15/12/2022 của Chi cục thi hành án dân sự quận K.

Bị đơn Công ty cổ phần xây dựng công trình Đ phải chịu 3.000.000đ (ba triệu đồng) tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án (đương sự vắng mặt thời hạn kháng cáo là 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật), để yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố Cần Thơ giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND Tp.C;
- VKSND Q.K;
- Chi cục THADS Q.K;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Ngọc B